

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON AN SINH B

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- 100% Trẻ ăn bán trú - Đảm bảo vệ sinh ATTP - Giảm tỉ lệ trẻ SDD	- 100% Trẻ ăn bán trú - Đảm bảo vệ sinh ATTP - Giảm tỉ lệ trẻ SDD
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- 100% các nhóm trẻ học chương trình GDMN do Bộ giáo dục quy định	- 100% các lớp Mẫu giáo học chương trình GDMN do Bộ giáo dục quy định
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Đạt từ 90% trở lên	- Đạt từ 95% trở lên
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non		

An Sinh, ngày 15 tháng 09 năm 2021

Thư trưởng đơn vị



Lê Thị Phụng

Biểu mẫu 02

**PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON AN SINH B**

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	165			45	36	43	41
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	165			45	36	43	41
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	165			45	36	43	41
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	165			45	36	43	41
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	165			45	36	43	41
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	0						
1	Số trẻ cân nặng bình thường	153			42	34	40	37
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	12			3	2	3	4
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	148			40	33	38	37
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	17			5	3	5	4
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0			0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	0						
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	45			45			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	120				36	43	41

An Sinh, ngày 15 tháng 09 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Phụng

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON AN SINH B

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	8	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	-	
1	Phòng học kiên cố	7	
2	Phòng học bán kiên cố	1	
3	Phòng học tạm	-	
4	Phòng học nhờ	-	
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6230,4	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2.767	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	48	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	18	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	18	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	40	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	50	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	8	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	1	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	2	Số bộ/sân chơi (trường)



IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	30	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Lớp 5-6 tuổi	50	2 lớp
2	Lớp 4-5 tuổi	50	2 lớp
3	Lớp 3-4 tuổi	48	2 lớp
4	Nhóm trẻ	72	3 lớp

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)			
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em
			Chung	Nam/Nữ	Chung Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		8	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*				

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XIV	Kết nối internet	Có	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	Có	
XVI	Tường rào xây	Có	
..			

An Sinh, ngày 15 tháng 09 năm 2021

Trưởng đơn vị

Lê Thị Phụng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục
mầm non, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo							Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém		
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		27			16	3	2	6	12	2	5	0	0				
	I	16			12	3	1		12	2	2	0	0				
	1	5			4	0	1		4		1						
2	Mẫu giáo	11			8	3			8	2	1						
II		3			3					0	3	0					
1	Hiệu trưởng	1			1						1						
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2						
III		8			1		1	6									
1	Nhân viên văn thư																
2	Nhân viên kế toán	1			1												
3	Thủ quỹ																
4	Nhân viên y tế	1					1										
5	Nhân viên khác	6						6									
..	..																

An Sinh, ngày 15 tháng 09 năm 2021



Đỗ Thị Phượng